

Số: 1132 / QĐ-ĐHKTNA

Nghệ An, ngày 02 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành quy định công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo cấp bằng đại học thứ 2, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

- Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập trường Đại học Kinh tế Nghệ An;
- Căn cứ Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ GD&ĐT về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
- Căn cứ Quy định về đào tạo đề cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ 2 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
- Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-DHKTNA-ĐT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tin chi tại Trường đại học Kinh tế Nghệ An;
- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo cấp bằng đại học thứ 2, hình thức đào tạo chính quy”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.
- Điều 3.** Trưởng các đơn vị trong Trường, các giảng viên và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 1.3
- Lưu VT, DT



TS. Dương Xuân Thao

QUY ĐỊNH

Công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo cấp bằng đại học thứ 2, hình thức đào tạo chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1132/QĐ-ĐHKTN A ngày 02 tháng 12 năm
2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc công nhận chuyển đổi kết quả học tập giữa đại học văn bằng thứ nhất với đại học văn bằng 2, hình thức chính quy.
2. Đối tượng áp dụng là hoạt động đào tạo cấp bằng đại học thứ 2 theo hệ thống tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Công nhận chuyển đổi kết quả học tập là việc công nhận kết quả và khối lượng kiến thức được miễn trừ khi học chương trình đào tạo cấp bằng đại học thứ 2 đối với từng sinh viên.

Tín chỉ (TC) quy đổi là tín chỉ được xác định trên cơ sở quy đổi khối lượng kiến thức tích lũy đối với chương trình đào tạo văn bằng thứ nhất được tính bằng đơn vị học trình (ĐVHT)/số tiết học theo niên chế *(xem Phụ lục 1)*.

Điểm công nhận chuyển đổi kết quả học tập là điểm của học phần được chuyển đổi kết quả học tập ở chương trình đào tạo cấp bằng đại học thứ nhất.

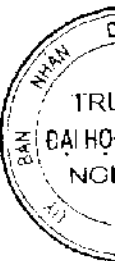
Hội đồng công nhận chuyển đổi kết quả học tập là Hội đồng do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng khi quyết định công nhận kết quả của những học phần được chuyển đổi cho từng sinh viên.

Điều 3. Học phần được công nhận và học phần không được công nhận chuyển đổi kết quả học tập

1. Học phần tích lũy trong chương trình đào tạo đại học thứ nhất được công nhận chuyển đổi kết quả học tập thỏa mãn các điều kiện sau:

a. Học phần thuộc chương trình đào tạo đại học chính quy hiện hành của ngành, chuyên ngành đạt từ điểm 5 (thang điểm 10) hoặc điểm D (nếu bảng điểm chỉ ghi điểm chữ) trở lên.

b. Học phần có nội dung tương đương và số tín chỉ/ số tín chỉ quy đổi bằng hoặc lớn hơn so với chương trình đào tạo đại học chính quy hiện hành của ngành, chuyên ngành.



2. Học phần không được công nhận chuyển đổi kết quả học tập: Đề án môn học, Chuyên đề thực tập/ Chuyên đề thực tập tốt nghiệp/ Chuyên đề tốt nghiệp và các học phần không đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 3.

Điều 4. Nguyên tắc xét công nhận điểm chuyển đổi

Điểm công nhận chuyển đổi được tính điểm theo thang điểm 10, được quy đổi theo thang điểm chữ và thang điểm 4.

Điểm công nhận chuyển đổi là điểm ghi trong bảng điểm của học phần tích lũy trong chương trình đào tạo đại học thứ nhất theo quy định ở Khoản 1 Điều 3. Cụ thể như sau:

1. Nếu trên bảng điểm đại học thứ nhất chỉ ghi điểm theo thang điểm chữ hoặc thang điểm 4, thì điểm được công nhận chuyển đổi là điểm trung bình cộng của cận dưới và cận trên khoảng điểm thang điểm 10 (xem Phụ lục 2).

2. Nếu một học phần ở chương trình đào tạo đại học văn bằng 2 có nội dung ở nhiều học phần đào tạo tại đại học thứ nhất và đủ điều kiện công nhận chuyển đổi thì điểm công nhận chuyển đổi là kết quả bình quân gia quyền các điểm học phần của đại học thứ nhất.

3. Đối với học phần trong tổ hợp các học phần tự chọn ở chương trình đào tạo đại học có nhiều học phần riêng trong chương trình đào tạo văn bằng 1 và đủ điều kiện công nhận chuyển đổi thì học phần được công nhận chuyển đổi là học phần có kết quả cao nhất.

4. Nếu trên bảng điểm cấp theo bằng đại học thứ nhất chỉ ghi kết quả học tập, không ghi số đơn vị học trình / tín chỉ / số tiết thì muốn được công nhận chuyển đổi kết quả học tập, sinh viên phải có giấy chứng nhận của cơ sở đào tạo về số đơn vị học trình / tín chỉ / số tiết của từng học phần.

Điều 5. Quy trình thực hiện xét chuyển đổi kết quả học tập

Bước 1: Trường xem xét các học phần dự kiến được chuyển đổi kết quả học tập và thông báo cho từng sinh viên;

Bước 2: Trường nhận ý kiến phản hồi, đơn đề nghị chuyển đổi kết quả học tập và thu lệ phí xét, công nhận kết quả học tập từ sinh viên;

Bước 3: Hội đồng xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập;

Bước 4: Hiệu trưởng ký quyết định công nhận chuyển đổi kết quả học tập cho sinh viên;

Bước 5: Thông báo kết quả chính thức cho sinh viên.

Bước 6: Nhập điểm chuyển đổi kết quả học tập vào Hệ thống Quản lý đào tạo.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Hàng năm, Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập để triển khai công tác xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập.

W
ÔNG
KINH
HỆ AN
★

2. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị thường trực có trách nhiệm tổ chức, triển khai và báo cáo Hội đồng xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập, trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận chuyển đổi kết quả học tập. Phối hợp với các đơn vị trong Trường để thực hiện các công việc liên quan đến quá trình xét và công nhận kết quả học tập.

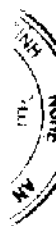
3. Quyết định và Danh sách công nhận chuyển đổi kết quả học tập được lưu trữ theo quy định hiện hành.

4. Sinh viên được chuyển đổi kết quả học tập học phần nào thì được miễn học và miễn thi học phần đó. Kết quả học tập được ghi trong bảng điểm cuối khóa.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị đề xuất với Hiệu trưởng thông qua Phòng Quản lý Đào tạo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.



TS. Dương Xuân Thao



Phụ lục 1. Bảng quy đổi khối lượng kiến thức

TT	Số ĐVHT	Số tiết (1 tiết = 45 phút)	Số tín chỉ
1	2	30	1
2	3	33-54	2
3	4	55-69	3
4	5 hoặc 6	70-114	4

Phụ lục 2. Bảng quy đổi thang điểm

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Đổi từ thang điểm chữ sang thang 10
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0	9,3
2	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5	8,2
3	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0	7,5
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5	6,7
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0	6,0
6	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5	5,2
7	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0	4,5